TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/KDTM- ST
Ngày: 24-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thị N

2. Ông Kim Thái H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc N, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thu H- Kiểm sát viên.

Ngày xx tháng xx năm 20xx, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TP, thành phố HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số xx/20xx/TLST- KDTM ngày xx tháng xx năm 20xx về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số xxx/20xx/QĐXXST-KDTM ngày xx tháng xx năm 20xx và Quyết định hoãn phiên tòa số xx/20xx/QĐ-HPT ngày xx tháng xx năm 20xx, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần KVT,

Địa chỉ chi nhánh: 157-159 SH, Phường xx, Quận xx, TP. HCM,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Duy L, sinh năm 19xx;

2. Bị đơn: Công ty TNHH TMDVXD KP,

Địa chỉ: xxx TQ, phường TQ, quận TP, TP. HCM,

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy H, Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Kiến Đ,

Địa chỉ: xxx TQ, phường TQ, quận TP, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Công ty Cổ Phần KVT, người đại diện hợp pháp là Bà Nguyễn Duy L trình bày:

Công ty Cổ Phần KVT (viết tắt là công ty VT) và Công ty TNHH TMDVXD KP (viết tắt là công ty KP) ký Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số xxx/CNKVT-HĐTT20xx ngày xx/xx/xxxx, nội dung công ty VTgiao cho công ty KP tiêu thụ sản phẩm các loại khóa, bản lề, clemon;

Chủng loại và số lượng: Theo thực tế sản xuất của nguyên đơn và khả năng thanh toán của công ty KP;

Đơn giá sản phẩm được nguyên đơn quy định theo từng thời điểm (có kèm bảng giá); Giá bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là giá thanh toán thể hiện trong các hóa đơn (bao gồm giá gốc và thuế giá trị gia tăng);

Điều 4 của Hợp đồng quy định phương thức thanh toán là 01 lần vào ngày 26 đến 30 hàng tháng.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày xx/xx/xxxx do hai ký nhận, thì tổng giá trị hàng nguyên đơn giao cho bị đơn là 1.436.583.113 đồng và tiền nợ của bị đơn từ các kỳ trước là 16.084.990 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 1.071.830.914 đồng, còn nợ 380.837.189 đồng.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày xx/xx/xxxx giữa nguyên đơn và Ông Đỗ Kiến Đ (chồng của bà Hvà cũng là thành viên của công ty KP) thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 309.998.562 đồng. Sau đó bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 5.000.000 đồng, còn nợ 304.998.562 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số nợ trên. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn, Công ty TNHH TMDVXD KP thanh toán toàn bộ số nợ 304.998.562 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng), không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Bị đơn công ty KP, người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đỗ Kiến Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bà Nguyễn Thị Thúy H và Ông Đỗ Kiến Đ đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, không thay đổi bổ sung ý kiến yêu cầu gì khác. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TP, thành phố HCM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự; Phát biểu

ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày xx/xx/xxxx, nguyên đơn công ty VT yêu cầu công ty KP thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 304.998.562 theo Hợp đồng theo nguyên tắc bán hàng số xxx/CNKVT-HĐTT20xx ngày xx/xx/xxxx. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ công văn số xxx/ĐKKD-THKT ngày xx/xx/xxxx của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh xác định bị đơn, Công ty TNHH TMDVXD KP có trụ sở tại số 201 TQ, phường TQ, quận TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận TP, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn công ty KP người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đỗ Kiến Đ nhưng bị đơn và ông Đạt đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn công ty KP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đỗ Kiến Đ.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy, công ty KP và công ty VT có ký kết Hợp đồng theo nguyên tắc bán hàng số xxx/CNKVT-HĐTT20xx ngày xx/xx/xxxx, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng có nợ nên xác định đây là hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và Điều 24 của Luật thương mại năm 2005.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày xx/xx/xxxx thì tổng giá trị hàng bị đơn nhận của nguyên đơn là 1.436.583.113 đồng và tiền bị đơn nợ từ các kỳ trước là 16.084.990 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 1.071.830.914 đồng, còn nợ 380.837.189 đồng.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày xx/xx/xxxx giữa nguyên đơn và Ông Đỗ Kiến Đ (chồng của bà H và cũng là thành viên của công ty KP) thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 309.998.562 đồng. Sau đó bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 5.000.000 đồng, còn nợ 304.998.562 đồng.

Tại Điều 4 của Hợp đồng hai bên ký kết quy định phương thức thanh toán là 01 lần vào ngày 26 đến 30 hàng tháng. Kể từ ngày xác nhận công nợ ngày xx/xx/xxxx thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 304.998.562 đồng đến nay chưa thanh toán, như vậy công ty KP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại năm 2005, nên đủ cơ sở buộc công ty KP có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty VT là 304.998.562 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán nên không xem xét.

[4]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, bị đơn công ty KP phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ là 304.998.562 nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.4 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 7.624.964 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điểm b mục 1.4 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ Phần KVT.

Buộc Công ty TNHH TMDVXD KP có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ Phần KVT số tiền mua hàng còn nợ là là 304.998.562 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi hai) đồng

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm :

- Buộc Công ty TNHH TMDVXD KP phải nộp số tiền án phí là 15.249.928 đồng (mười lăm triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm hai mươi tám) đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty Cổ Phần KVT số tiền tạm ứng án phí 7.624.964 (bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0010117 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Nguyên đơn, Công ty Cổ Phần KVT có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Công ty TNHH TMDVXD KP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đỗ Kiến Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN